

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Xuân Trung
Ông Nguyễn Văn Sang
Ông Ngô Anh Sơn
Ông Trịnh Quốc Văn
Ông Phan Trung Phương
Ông Nguyễn Ngọc Bích
Ông Đỗ Anh Đức
Ông Lê Minh Tuấn

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26/05/2015)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26/05/2015)
Thành viên
Thành viên
Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/2/2015)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/05/2015)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/2/2015)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/2/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Anh Sơn
Ông Trịnh Quốc Văn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Anh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 254/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04/8/2015, từ trang 03 đến trang 26 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		213.886.976.746	120.007.770.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	162.238.577.581	47.167.768.625
1. Tiền	111		125.238.577.581	47.167.768.625
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	07	33.495.901.464	783.701.464
1. Đầu tư ngắn hạn	121		33.662.942.724	1.011.262.724
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(167.041.260)	(227.561.260)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	08	16.147.368.860	70.113.861.899
1. Phải thu của khách hàng	131		490.851.556	-
2. Trả trước cho người bán	132		48.000.000	88.000.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		22.990.010.131	77.365.401.703
4. Các khoản phải thu khác	138		391.210.158	433.163.181
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	09	(7.772.702.985)	(7.772.702.985)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.005.128.841	1.942.438.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		242.067.605	306.416.931
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		1.612.321.236	1.612.321.236
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	150.740.000	23.700.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		10.971.844.329	9.330.110.330
I. Tài sản cố định	220		5.960.415.743	4.696.034.013
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.448.964.130	1.628.904.130
- Nguyên giá	222		4.030.843.133	4.415.154.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.581.879.003)	(2.786.249.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.511.451.613	667.129.883
- Nguyên giá	228		4.950.000.000	2.511.154.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(438.548.387)	(1.844.024.967)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.400.000.000
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.011.428.586	4.634.076.317
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	890.543.594	1.035.150.691
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	14	3.810.609.642	3.286.179.276
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.275.350	312.746.350
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		224.858.821.075	129.337.880.485

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		85.485.180.809	78.829.010.861
I. Nợ ngắn hạn	310		85.485.180.809	78.829.010.861
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	29.200.000.000
2. Phải trả người bán	312		274.087.626	161.060.539
3. Người mua trả tiền trước	313		125.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	933.609.206	521.307.240
5. Phải trả người lao động	315		622.644.337	220.891.667
6. Chi phí phải trả	316		943.027.472	308.629.764
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	82.052.625.695	47.207.285.745
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		40.495.650	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		218.396	218.396
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	17	493.472.427	1.209.617.510
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		139.373.640.266	50.508.869.624
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	139.373.640.266	50.508.869.624
1. Vốn điều lệ	411		160.000.000.000	75.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		636.000.000	636.000.000
3. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(21.262.359.734)	(25.127.130.376)
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	400		224.858.821.075	129.337.880.485

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

	Mã số	30/06/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký		774.310.430.000	371.204.450.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	664.746.400.000	338.408.970.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.458.850.000	-
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	659.287.550.000	338.408.970.000
6.2 Chứng khoán cầm cố	017	3.398.130.000	3.398.130.000
- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.398.130.000	3.398.130.000
6.3 Chứng khoán tạm giữ	022	3.350.350.000	4.065.350.000
- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	3.350.350.000	4.065.350.000
6.4 Chứng khoán chờ thanh toán	027	101.622.200.000	24.535.800.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	101.622.200.000	24.535.800.000
6.5 Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.193.350.000	796.200.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	040	1.193.350.000	796.200.000
7. Chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết		20.690.000.000	-
Trong đó			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	20.690.000.000	-
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	20.690.000.000	-



Ngô Anh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Vũ Thị Trà My
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a- CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu	01	19	15.047.705.194	6.167.739.320
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		9.009.313.407	2.882.172.022
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		577.272.725	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		199.404.103	100.669.155
Doanh thu khác	01.9		5.261.714.959	3.184.898.143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20.216.723	565.764
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	19	15.027.488.471	6.167.173.556
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	7.868.764.658	5.349.799.810
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		7.158.723.813	817.373.746
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	2.644.862.325	2.010.066.788
7. Lợi nhuận/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		4.513.861.488	(1.192.693.042)
8. Thu nhập khác	31		6.818.262	11.000
9. Chi phí khác	32		655.909.108	36.000.000
10. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		(649.090.846)	(35.989.000)
11. Tổng lợi nhuận/ (Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.864.770.642	(1.228.682.042)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.864.770.642	(1.228.682.042)
14. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	24	271	(164)



Ngô Anh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Vũ Thị Trà My
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 03a- CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.864.770.642	(1.228.682.042)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	805.709.162	273.979.794
- Các khoản dự phòng	03	(60.520.000)	(38.698.958)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(872.064.137)	(2.763.799.341)
- Chi phí lãi vay	06	501.777.762	651.377.839
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.239.673.429	(3.105.822.708)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	53.894.703.039	7.930.171.866
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	-	(5.917.200)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp...)	11	35.967.787.641	16.001.578.191
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	208.956.423	(255.504.045)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(572.126.705)	(623.743.842)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.000.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(32.649.630.258)	(4.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.089.363.569	18.140.762.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(2.652.868.750)	(233.854.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	7.500.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.459.923.850
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	826.814.137	2.827.272.424
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.818.554.613)	5.053.341.374
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	85.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	455.572.945.555	89.757.105.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(484.772.945.555)	(89.757.105.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	55.800.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	115.070.808.956	23.194.103.636
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	47.167.768.625	16.358.834.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	162.238.577.581	39.552.938.233



Ngô Anh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Vũ Thị Trà My
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 05a- CTCK
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2014	Tại 01/01/2015	6 tháng đầu năm 2014		6 tháng đầu năm 2015		Tại 30/06/2014	Tại 30/06/2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	85.000.000.000	-	75.000.000.000	160.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	18	636.000.000	636.000.000	-	-	-	-	636.000.000	636.000.000
Ợi nhuận/ (Lỗ) chưa phân phối	18	(26.904.839.771)	(25.127.130.376)	(1.228.682.042)	-	3.864.770.642	-	(28.133.521.813)	(21.262.359.734)

tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.



[Signature]

Đỗ Anh Sơn
 Tổng Giám đốc
 Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Vũ Thị Trà My
 Kế toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Thị Thanh Hà
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP ngày 30/10/2007, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/GPĐC-UBCK ngày 06/05/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 34 người (tại ngày 31/12/2014 là 24 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung trên máy tính.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán thay thế nên Công ty vẫn trình bày báo cáo tài chính kỳ này theo mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi riêng trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Tổng Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng vì không thu thập đủ tối thiểu báo giá bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Năm 2015
(số năm khấu hao)
03 - 08

Thiết bị, dụng cụ văn phòng

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng cho vay ký quỹ và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty còn khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và 31/12/2012 lần lượt là 13.900.247.862 VND và 5.929.002.930 VND; khoản lỗ có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.825.375	2.723.111
Tiền gửi ngân hàng	84.578.799.648	44.488.421.611
<i>Trong đó</i>		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	43.627.735.587	165.721.714
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	40.951.064.061	44.322.699.897
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của nhà đầu tư	40.654.952.558	2.676.623.903
Các khoản tương đương tiền (i)	37.000.000.000	-
	162.238.577.581	47.167.768.625

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ Cổ phiếu	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a) Của Công ty chứng khoán	11.115.000	118.650.000.000
- Cổ phiếu	11.115.000	118.650.000.000
b) Của nhà đầu tư	314.539.407	5.132.398.957.300
- Cổ phiếu	314.539.407	5.132.398.957.300
	325.654.407	5.251.048.957.300

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09a-CTCK

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường			Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm	Cuối kỳ	Đầu kỳ
					Cuối kỳ	Đầu kỳ			
I. Đầu tư ngắn hạn	2.614.885	99.885	33.662.942.724	1.011.262.724	1.048.320.000	-	167.041.260	227.561.260	783.701.464
Chứng khoán thương mại									
- Cổ phiếu	2.614.885	99.885	33.662.241.260	1.010.561.260	1.048.320.000	-	167.041.260	227.561.260	783.000.000
Cổ phiếu niêm yết	500.005	5	5.601.761.260	81.260	1.048.320.000	-	65.260	61.260	20.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	2.114.880	99.880	28.060.480.000	1.010.480.000	-	-	166.976.000	227.500.000	782.980.000
Đầu tư ngắn hạn khác			701.464	701.464	-	-	-	701.464	701.464

Ghi chú: (i) Bao gồm cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng, cổ phiếu upcom. Công ty đã trích lập dự phòng cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Đối với mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hoa Sen Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nghệ An, Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá trị trường của các cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a- CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.2. Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>
Cổ phiếu niêm yết	500.005	5.601.761.260	(65.260)
SHN	500.000	5.601.680.000	-
PXL	5	81.260	(65.260)
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.114.880	28.060.480.000	(166.976.000)
UPCOM	45.880	578.480.000	(56.000.000)
PMT	35.000	350.000.000	(56.000.000)
SHG	10.880	228.480.000	(110.976.000)
OTC	2.069.000	27.482.000.000	-
Công ty CP Đầu tư thương mại Hoa Sen Việt Nam	1.150.000	11.500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nghệ An	750.000	7.500.000.000	-
Công ty CP Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	115.000	8.050.000.000	-
Công ty CP tập đoàn Hanaka	54.000	432.000.000	-
Đầu tư tài chính khác		701.464	
Cộng đầu tư cổ phiếu	2.614.885	33.662.942.724	(167.041.260)

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a- CTCK

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	790.297.095	299.445.539	490.851.556	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	77.365.401.703	7.772.702.985	7.772.702.985	1.668.767.308.927	1.723.142.700.499	22.990.010.131	7.772.702.985	7.772.702.985
- Phải thu giao dịch cho vay kỳ quỹ	65.221.599.703	7.772.702.985	7.772.702.985	336.108.124.486	383.139.768.080	18.189.956.109	7.772.702.985	7.772.702.985
- Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	12.143.802.000	-	-	1.332.659.184.441	1.340.002.932.419	4.800.054.022	-	-
2. Trả trước cho người bán	88.000.000	-	-	48.000.000	88.000.000	48.000.000	-	-
3. Phải thu khác	433.163.181	-	-	1.794.021.128	1.835.974.151	391.210.158	-	-
- Lãi dự thu giao dịch cho vay kỳ quỹ	312.113.121	-	-	426.014.167	693.247.784	44.879.504	-	-
- Lãi dự thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	5.839.043	-	-	91.005.558	90.462.797	6.381.804	-	-
- Phí giao dịch chứng khoán	-	-	-	174.513.679	-	174.513.679	-	-
- Phí lưu ký chứng khoán	115.211.017	-	-	121.728.035	116.753.881	120.185.171	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	-	-	-	87.535.119	42.285.119	45.250.000	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	893.224.570	893.224.570	-	-	-
4. Tạm ứng	23.100.000	-	-	547.203.636	430.163.636	140.140.000	-	-
Tổng cộng	77.909.664.884	7.772.702.985	7.772.702.985	1.671.946.830.786	1.725.796.283.825	24.060.211.845	7.772.702.985	7.772.702.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.772.702.985	7.772.702.985
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>7.772.702.985</u>	<u>7.772.702.985</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	140.140.000	23.100.000
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.600.000	600.000
	<u>150.740.000</u>	<u>23.700.000</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	4.415.154.059	4.415.154.059
Mua sắm mới	61.600.000	61.600.000
Thanh lý	(445.910.926)	(445.910.926)
Tại ngày 30/06/2015	<u>4.030.843.133</u>	<u>4.030.843.133</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	2.786.249.929	2.786.249.929
Khấu hao trong kỳ	201.577.101	201.577.101
Giảm do thanh lý	(405.948.027)	(405.948.027)
Tại ngày 30/06/2015	<u>2.581.879.003</u>	<u>2.581.879.003</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	1.628.904.130	1.628.904.130
Tại ngày 30/06/2015	<u>1.448.964.130</u>	<u>1.448.964.130</u>

Tại ngày 30/06/2015, tổng nguyên giá các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là 1.973.829.068 VND (tại ngày 01/01/2015 là 2.118.866.271 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	2.511.154.850	2.511.154.850
Mua sắm mới	4.950.000.000	4.950.000.000
Thanh lý	(2.511.154.850)	(2.511.154.850)
Tại ngày 30/06/2015	4.950.000.000	4.950.000.000
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	1.844.024.967	1.844.024.967
Khấu hao trong kỳ	604.132.061	604.132.061
Giảm do thanh lý	(2.009.608.641)	(2.009.608.641)
Tại ngày 30/06/2015	438.548.387	438.548.387
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	667.129.883	667.129.883
Tại ngày 30/06/2015	4.511.451.613	4.511.451.613

Tại ngày 30/06/2015, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng là 0 VND (tại ngày 01/01/2015 là 126.397.750 VND).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.035.150.691	112.398.310
Tăng trong kỳ	126.928.400	111.363.931
Phân bổ chi phí trong kỳ	(271.535.497)	(71.918.269)
Tại ngày 30 tháng 06	890.543.594	151.843.972

Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ, nội thất	890.543.594	1.035.150.691
	890.543.594	1.035.150.691

14. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.808.222.413	2.283.792.047
Tiền lãi phân bổ trong kỳ/ (năm)	882.387.229	882.387.229
	3.810.609.642	3.286.179.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	129.028.267	2.848.207
Thuế thu nhập cá nhân	804.580.939	518.459.033
	933.609.206	521.307.240

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	393.435.462	180.167.449
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	53.173.614	27.794.496
Phải trả nhà đầu tư	81.606.016.619	46.999.323.800
	82.052.625.695	47.207.285.745

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	29.804.970	-
Bảo hiểm y tế	5.158.553	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.292.690	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	65.600.000	58.200.000
Bà Hoàng Thanh Vân	-	790.642.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	390.616.214	360.775.353
	493.472.427	1.209.617.510

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2014	75.000.000.000	636.000.000	(26.904.839.771)	48.731.160.229
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.777.709.395	1.777.709.395
Số dư tại 01/01/2015	75.000.000.000	636.000.000	(25.127.130.376)	50.508.869.624
Góp vốn trong kỳ	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.864.770.642	3.864.770.642
Số dư tại 30/06/2015	160.000.000.000	636.000.000	(21.262.359.734)	139.373.640.266

Theo Công văn số 137/UBCK - QLKD ngày 14/01/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận chào bán cổ phiếu, Công ty thực hiện chào bán 10.500.000 cổ phiếu với giá trị là 105.000.000.000 VND cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,4. Số lượng đăng ký mua là 5.453.920 cổ phiếu, số lượng từ chối quyền mua là 5.046.080 cổ phiếu. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 47/NQHĐQT-DNSE ngày 16/03/2015, thông qua phương án phân phối tiếp số cổ phần từ chối quyền mua như sau: Phân phối 3.046.080 cổ phiếu cho sáu (06) cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu còn lại sau phân phối là 2.000.000 cổ phiếu bị hủy trong đợt chào bán này.

Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 8.500.000 cổ phiếu, chiếm 80,95% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, tổng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu là 85.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động và các Giấy phép điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại 30/06/2015		Vốn đã góp tại 01/01/2015	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Sang	15.800.000.000	9,88%	6.750.000.000	9,00%
Ông Nguyễn Ngọc Bích	15.800.000.000	9,88%	6.750.000.000	9,00%
Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	15.400.000.000	9,63%	-	-
Công ty CP nông dược TSC	14.400.000.000	9,00%	-	-
Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	14.400.000.000	9,00%	-	-
Bà Phạm Thị Tú Anh	9.000.000.000	5,63%	-	-
Bà Trần Thị Minh Phương	8.500.000.000	5,31%	-	-
Bà Bùi Khánh Linh	8.000.000.000	5,00%	-	-
Ông Ninh Việt Tiến	2.728.000.000	1,71%	4.805.000.000	6,41%
Ông Bùi Xuân Trung	1.500.000.000	0,94%	1.500.000.000	2,00%
Công ty TNHH Đại Thủy	6.000.000.000	3,75%	6.000.000.000	8,00%
Ông Trịnh Quốc Vân	4.268.700.000	2,67%	5.265.000.000	7,02%
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	2.695.000.000	1,68%	2.695.000.000	3,59%
Các cổ đông khác	41.508.300.000	25,94%	41.235.000.000	54,98%
Tổng cộng	160.000.000.000	100%	75.000.000.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	30/06/2015	01/01/2015	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	16.000.000	7.500.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	16.000.000	7.500.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	16.000.000	7.500.000	cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.009.313.407	2.882.172.022
Doanh thu hoạt động tư vấn	577.272.725	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	199.404.103	100.669.155
Doanh thu khác	5.261.714.959	3.184.898.143
<i>Doanh thu lãi tiền gửi</i>	<i>872.064.137</i>	<i>366.342.755</i>
<i>Doanh thu giao dịch cho vay ký quỹ</i>	<i>1.815.435.388</i>	<i>2.137.104.159</i>
<i>Doanh thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	<i>1.665.869.105</i>	<i>626.695.182</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>908.346.329</i>	<i>54.756.047</i>
Tổng doanh thu	15.047.705.194	6.167.739.320
Các khoản giảm trừ doanh thu	(20.216.723)	(565.764)
Doanh thu thuần	15.027.488.471	6.167.173.556

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.408.709.338	531.025.134
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.465.600.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(60.520.000)	(28.002.000)
Chi phí hoạt động tư vấn	275.000.000	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	198.247.990	100.318.113
Chi phí nhân viên trực tiếp	932.233.194	640.308.573
Chi phí vật tư đồ dùng	175.118.061	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	764.124.843	220.271.924
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	223.157.524	213.549.085
Chi phí lãi vay	501.777.762	651.377.839
Chi phí khác	450.915.946	1.555.351.142
	7.868.764.658	5.349.799.810

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.160.834.512	1.079.471.165
Chi phí vật liệu	25.921.500	29.413.772
Chi phí công cụ dụng cụ	103.263.976	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.584.319	53.707.870
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(10.696.958)
Thuế, phí lệ phí	115.591.546	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.065.198.142	800.923.045
Chi phí bằng tiền khác	132.468.330	54.247.894
	2.644.862.325	2.010.066.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.864.770.642	(1.228.682.042)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.864.770.642)	1.228.682.042
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	114.400.000	1.371.117.457
Chuyển lỗ các năm trước	(3.979.170.642)	(142.435.415)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

23. KẾ HOẠCH VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Công ty có một số khoản lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của các năm trước và sẽ được trừ toàn bộ và liên tục vào thu nhập chịu thuế của 5 năm tiếp theo. Số lỗ này dự kiến sẽ được chuyển lỗ theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
Năm 2010	2011 - 2015	5.745.052.025	5.745.052.025	-
Năm 2011	2012 - 2016	15.522.346.846	1.622.098.984	13.900.247.862
Năm 2012	2013 - 2017	5.929.002.930	-	5.929.002.930

24. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận cơ bản để tính lãi trên cổ phiếu	3.864.770.642	(1.228.682.042)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.276.712	7.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	271	(164)

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 636.470.700 VND.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm tới	1.080.941.400	1.080.941.400
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.621.412.100	2.161.882.800
	2.702.353.500	3.242.824.200

Đây là số tiền thuê mặt bằng tại tầng 12A, tòa nhà Center Building Dự án Hapulico Complex tại số 01, Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo hợp đồng thuê mặt bằng số 52/2014/HĐKT-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	432.689.785	332.041.132
Thù lao Hội đồng Quản trị	114.400.000	36.000.000
	547.089.785	368.041.132

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	29.200.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	162.238.577.581	47.167.768.625
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	139.373.640.266	50.508.869.624
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.238.577.581	-	47.167.768.625	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	882.061.714	-	433.163.181	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	22.990.010.131	(7.772.702.985)	77.365.401.703	(7.772.702.985)
Đầu tư ngắn hạn	33.662.942.724	(167.041.260)	1.011.262.724	(227.561.260)
Các khoản ký quỹ	320.875.350	-	313.346.350	-
	220.094.467.500	(7.939.744.245)	126.290.942.583	(8.000.264.245)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công nợ tài chính	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	29.200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	767.560.053	1.370.678.049
Chi phí phải trả	943.027.472	308.629.764
Phải trả giao dịch chứng khoán	82.052.625.695	47.207.285.745
Tổng cộng	83.763.213.220	78.086.593.558

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.238.577.581	-	162.238.577.581
Phải thu khách hàng, phải thu khác	882.061.714	-	882.061.714
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	15.217.307.146	-	15.217.307.146
Đầu tư ngắn hạn	33.495.901.464	-	33.495.901.464
Các khoản ký quỹ	10.600.000	310.275.350	320.875.350
	211.844.447.905	310.275.350	212.154.723.255
Tại ngày 30/06/2015			
Chi phí phải trả	943.027.472	-	943.027.472
Phải trả người bán	274.087.626	-	274.087.626
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	493.472.427	-	493.472.427
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	82.052.625.695	-	82.052.625.695
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	40.495.650	-	40.495.650
	83.803.708.870	-	83.803.708.870
Chênh lệch thanh khoản thuần	128.040.739.035	310.275.350	128.351.014.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.167.768.625	-	47.167.768.625
Phải thu khách hàng, phải thu khác	433.163.181	-	433.163.181
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	69.592.698.718	-	69.592.698.718
Đầu tư ngắn hạn	783.701.464	-	783.701.464
Các khoản ký quỹ	600.000	312.746.350	313.346.350
	117.977.931.988	312.746.350	118.290.678.338
Tại ngày 01/01/2015			
Vay và nợ	29.200.000.000	-	29.200.000.000
Phải trả người bán	161.060.539	-	161.060.539
Chi phí phải trả	308.629.764	-	308.629.764
Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	1.209.617.510	-	1.209.617.510
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	47.207.285.745	-	47.207.285.745
	78.086.593.558	-	78.086.593.558
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.891.338.430	312.746.350	40.204.084.780

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 năm 2014 đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu tại ngày 30/06/2015. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Số kiểm toán	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
1. Phải thu khách hàng	77.365.401.703	-	77.365.401.703	[1]
2. Phải thu giao dịch chứng khoán	-	77.365.401.703	(77.365.401.703)	[1]

Ghi chú: [1] Phân loại lại phải thu giao dịch cho vay ký quỹ và phải thu hoạt động ứng trước tiền bán cho nhà đầu tư từ phải thu khách hàng sang phải thu giao dịch chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc trình bày lại này phù hợp hơn với hoạt động kinh doanh của Công ty.



Ngô Anh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Vũ Thị Trà My
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Người lập biểu